



Mã số mẫu/ Sample code
BN22012.21145307
MM22012.211453071

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

BMKD 03/1 - LBH 01
Ngày/ Date: 30/12/2020

Tên khách hàng/ Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC CẦN THƠ
Địa chỉ/ Address : 2A NGUYỄN TRÃI, PHƯỜNG TÂN AN, QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ, VIỆT NAM
Tên mẫu/ Name of sample : NƯỚC SẠCH (VỊ TRÍ LẤY MẪU: CỤM 4-NHÀ MÁY NƯỚC CẦN THƠ 1, ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG 30/4, PHƯỜNG XUÂN KHÁNH, Q. NINH KIỀU, TP CT)
Số lượng/ Quantity : 1
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu đựng trong chai nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 21/12/2020
Ngày hẹn trả KH/ Date of issue : 30/12/2020

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
1	CN ⁻	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,002 (Giới hạn cho phép: 0,07)	TCVN 6181:1996 (ISO 6703-1:1984(E)) (*) (#)
2	Cyano clorit (theo CN ⁻)	µg/L	Không phát hiện, MDL = 25 (Giới hạn cho phép: 70)	SMEWW 4500. CN(-). J(2017) (#)
3	1,1,1-Trichloroethane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 2000)	CASE.MT.0034 (*) (#)
4	1,2-Dibromo-3-chloropropan	µg/L	Không phát hiện, MDL = 1,0 (Giới hạn cho phép: 1)	CASE.MT.0034 (*) (#)
5	1,2-Dichlorobenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 1,0 (Giới hạn cho phép: 1000)	CASE.MT.0034 (*) (#)
6	1,2-Dichloroethane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 30)	CASE.MT.0034 (*) (#)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
☎ 18001105
☎ (84.28) 3911 7216
✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F267 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218
☎ (84.292) 3918219
✉ support@case.com.vn, casecantho@case.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
☎ (84.258) 246 5255
☎ (84.258) 246 5355
✉ vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
7	1,2-Dichloroethene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 50)	CASE.MT.0034 (*) (#)
8	1,2-Dichloropropane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.MT.0034 (*) (#)
9	1,3-Dichloropropen	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,7 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.MT.0034 (*) (#)
10	1,4-Dichlorobenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 300)	CASE.MT.0034 (*) (#)
11	2,4,6-Trichlorophenol	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,01 (Giới hạn cho phép: 200)	EPA 3510C & EPA 3620C & EPA 8270D (*) (#)
12	Benzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,5 (Giới hạn cho phép: 10)	CASE.MT.0034 (*) (#)
13	Bromate (BrO ₃ ⁻)	µg/L	Không phát hiện, MDL = 4,0 (Giới hạn cho phép: 25)	EPA 300.1 (*) (#)
14	Bromodichloromethane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 60)	CASE.MT.0034 (*) (#)
15	Bromoform	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 100)	CASE.MT.0034 (*) (#)
16	Carbontetrachloride	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 2)	CASE.MT.0034 (*) (#)
17	Chloral Hydrate (trichloroacetaldehyde)	µg/L	4,40 (Giới hạn cho phép: 10)	CASE.MT.0034 (*) (#)
18	Chloroform	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 200)	CASE.MT.0034 (*) (#)
19	Clorit (ClO ₂ ⁻)	µg/L	Không phát hiện, MDL = 4,0 (Giới hạn cho phép: 200)	EPA 300.1 (*) (#)
20	Dibromochloromethane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 100)	CASE.MT.0034 (*) (#)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/ Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
21	Ethylbenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 300)	CASE.MT.0034 (*) (#)
22	Methylene Chloride (Dichloromethane)	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.MT.0034 (*) (#)
23	Monochloramine	µg/L	Không phát hiện, MDL=3 (Giới hạn cho phép:3)	TCVN 6225-2:2012 (#)
24	Monochlorobenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 2,0 (Giới hạn cho phép: 300)	CASE.MT.0034 (*) (#)
25	Pentachlorophenol	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,1 (Giới hạn cho phép: 9)	EPA 3510C & EPA 3620C & EPA 8270D (*) (#)
26	Phenol và dẫn xuất phenol	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,2 (Giới hạn cho phép: 1)	EPA 3510C & EPA 3620C & EPA 8270D (*) (#)
27	Styrene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.MT.0034 (*) (#)
28	Tetrachloroethene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 40)	CASE.MT.0034 (*) (#)
29	Toluene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 700)	CASE.MT.0034 (*) (#)
30	Trichlorobenzene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.MT.0034 (*) (#)
31	Trichloroethene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,4 (Giới hạn cho phép: 70)	CASE.MT.0034 (*) (#)
32	Vinylchloride	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 5)	CASE.MT.0034 (*) (#)
33	Xylene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 2,0 (Giới hạn cho phép: 500)	CASE.MT.0034 (*) (#)
34	2,4-D	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 30)	CASE.SK.0099 (*) (#)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thi Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmienTrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
35	2,4-DB	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 90)	CASE.SK.0099 (*) (#)
36	2,4,5-T	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 9)	CASE.SK.0099 (*) (#)
37	Acrylamide	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,1 (Giới hạn cho phép: 0,5)	CASE.SK.0131_GC/MS/MS (*) (#)
38	Alachlor	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
39	Aldicarb	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 10)	CASE.SK.0067 (LC/MS/MS) (*) (#)
40	Aldrin	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn cho phép: 0,03)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
41	Atrazine	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 2)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
42	Bentazone	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 30)	CASE.SK.0099 (*) (#)
43	Benzo(a)pyrene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,2 (Giới hạn cho phép: 0,7)	CASE.SK.0094 GC/MS/MS (*) (#)
44	Carbofuran	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 5)	CASE.SK.0067 (LC/MS/MS) (*) (#)
45	Chlordane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn cho phép: 0,2)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
46	Chlorotoluron	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 30)	CASE.SK.0067 (LC/MS/MS) (*) (#)
47	DDT	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,6 (Giới hạn cho phép: 2)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

02 F267 - F268, Đường số 6, KDC 596, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

02 STH27B, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
48	Di (2-ethylhexyl) adipate	µg/L	Không phát hiện, MDL = 3 (Giới hạn cho phép: 8)	CASE.SK.0130 (*) (#)
49	Di (2-ethylhexyl) phthalat	µg/L	Không phát hiện, MDL = 3 (Giới hạn cho phép: 8)	CASE.SK.0130 (*) (#)
50	Dibromoacetonitrile	µg/L	EPA 552.2 (*) Không phát hiện, MDL = 50 (Giới hạn cho phép :100)	CASE.SK.0098 (*) (#)
51	Dichloroacetic acid	µg/L	Không phát hiện, MDL = 10 (Giới hạn cho phép :50)	EPA 552.2 (*) (#)
52	Dichloroacetonitrile	µg/L	EPA 552.2 (*) Không phát hiện, MDL = 20 (Giới hạn cho phép :90)	CASE.SK.0098 (*) (#)
53	Dichloroprop	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 100)	CASE.SK.0099 (*) (#)
54	Dieldrin	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn cho phép: 0,03)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
55	Epichlohydrin	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,1 (Giới hạn cho phép: 0,4)	EPA 8260A (#)
56	Fenoprop	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 9)	CASE.SK.0099 (*) (#)
57	Formaldehyde	µg/L	EPA 552.2 (*) Không phát hiện, MDL = 100 (Giới hạn cho phép :900)	EPA 556 (*) (#)
58	Heptachlor	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn cho phép: 0,03)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
59	Heptachlor epoxide	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn cho phép: 0,03)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

19/02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

19/ F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

19/ STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmienntrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
60	Hexachlorobenzene (HCB)	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn cho phép: 0,03)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
61	Hexachlorobutadiene	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 0,6)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
62	Isoproturon	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 9)	CASE.SK.0067 (LC/MS/MS) (*) (#)
63	Lindane	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn cho phép: 2)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
64	MCPA (2-Methyl-4- chlorophenoxyacetic acid)	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 2)	CASE.SK.0099 (*) (#)
65	Mecoprop	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn cho phép: 10)	CASE.SK.0099 (*) (#)
66	Methachlor	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (#)
67	Methoxychlor	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
68	Molinate	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 6)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
69	Pendimethalin	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
70	Permethrin	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
71	Propanil	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
72	Simazine	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH
 91 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM
 ☎ 18001105
 📠 (84.28) 3911 7216
 ✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ
 91 F267 - F268, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ
 ☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218
 📠 (84.292) 3918219
 ✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG
 91 STH-27B, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa
 ☎ (84.258) 246 5255
 📠 (84.258) 246 5355
 ✉ vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
73	Trichloroacetic acid	µg/L	EPA 552.2 (*) Không phát hiện, MDL = 10 (Giới hạn cho phép :100)	EPA 552.2 (*) (#)
74	Trichloroacetonitrile	µg/L	EPA 552.2 (*) Không phát hiện, MDL = 1 (Giới hạn cho phép :1)	CASE.SK.0098 (*) (#)
75	Trifluralin	µg/L	Không phát hiện, MDL = 0,3 (Giới hạn cho phép: 20)	CASE.SK.0096 (GC/MS/MS) (*) (#)
76	Al	mg/L	0,07 (Giới hạn: 0,2)	EPA Method 200.7 (*)
77	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn: 3)	TCVN 6179-1:1996 (ISO 7150-1:1984 (E)) (*)
78	As	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,001 (Giới hạn: 0,01)	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996) (*)
79	B	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,1 (Giới hạn: 0,3)	EPA Method 200.7 (*)
80	Ba	mg/L	0,03 (Giới hạn: 0,7)	EPA Method 200.7 (*)
81	Cd	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0005 (Giới hạn: 0,003)	SMEWW 3113 B (*)
82	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,5 (Giới hạn: 2)	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993) (*)
83	Chloride (Cl ⁻)	mg/L	< MQL = 18 (Giới hạn: 300)	TCVN 6194:1996 (ISO 9297:1989 (E)) (*)
84	Chlorine	mg/L	Vết (0,35), (< MQL = 0,5) (Giới hạn: Trong khoảng 0,3 - 0,5)	SMEWW 4500 Cl.B (*)
85	Cr	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,006 (Giới hạn: 0,05)	EPA Method 200.7 (*)
86	Cu	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,004 (Giới hạn: 1)	EPA Method 200.7 (*)
87	Độ cứng	mgCaCO ₃ /L	51,2 (Giới hạn: 300)	SMEWW 2340 C (*)
88	Độ đục	NTU	0,31 (Giới hạn: 2)	TCVN 6184:2008 (ISO 7027:1999) (*)
89	Fe	mg/L	< MQL = 0,015 (Giới hạn: 0,3)	EPA Method 200.7 (*)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thù, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmientrung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
90	Florua (F ⁻)	mg/L	< MQL = 0,15 (Giới hạn: 1,5)	TCVN 6195:1996 (*)
91	H ₂ S	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn: 0,05)	SMEWW 4500-S2-.F (*)
92	Hg	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,0003 (Giới hạn: 0,001)	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999) (*)
93	Màu	TCU	Không phát hiện, MDL = 5 (Giới hạn: 15)	TCVN 6185:2015 (ISO 7887:2011) (*)
94	Mn	mg/L	< MQL = 0,018 (Giới hạn: 0,3)	EPA Method 200.7 (*)
95	Mo	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,05 (Giới hạn: 0,07)	EPA Method 200.7 (*)
96	Mùi		Không mùi (Giới hạn: Không có mùi lạ)	Cảm quan SMEWW 2150 B & 2160 B
97	Na	mg/L	9,78 (Giới hạn: 200)	EPA Method 200.7 (*)
98	Ni	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,006 (Giới hạn: 0,02)	SMEWW 3113 B (*)
99	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/L	1,57 (Giới hạn: 50)	TCVN 6180:1996 (ISO 7890-3:1988 (E)) (*)
100	NO ₂ ⁻	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,02 (Giới hạn: 3)	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984 (E)) (*)
101	Pb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,003 (Giới hạn: 0,01)	SMEWW 3113 B (*)
102	pH		7,6 (Giới hạn: Trong khoảng 6,5 - 8,5)	TCVN 6492:2011 (*)
103	Sb	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,005 (Giới hạn: 0,005)	EPA Method 200.7 (*)
104	Sc	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,001 (Giới hạn: 0,01)	TCVN 6183:1996 (ISO 9965:1993 (E)) (*)
105	SO ₄ ²⁻	mg/L	6,33 (Giới hạn: 250)	SMEWW 4500 - SO42-.E (*)

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP.HCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP.HCM

☎ 18001105

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

F2.67 - F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmien trung@case.vn

STT/ No	Chỉ tiêu kiểm nghiệm/ Parameters	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	Phương pháp/ Test method
106	Tổng hoạt độ phóng xạ Alpha	pCi/L	Không phát hiện, MDL = 0,819 (Mức giới hạn: 3; theo QCVN 01:2009/BYT)	TCVN 8879:2011 (**)
107	Tổng hoạt độ phóng xạ Beta	pCi/L	Không phát hiện, MDL = 0,765 (Mức giới hạn: 30; theo QCVN 01:2009/BYT)	TCVN 8879:2011 (**)
108	Tổng rắn hòa tan (TDS)	mg/L	106,5 (Giới hạn: 1000)	SMEWW 2540C (*)
109	Vị		Không vị (Giới hạn: Không có vị lạ)	Cảm quan SMEWW 2150 B & 2160 B
110	Zn	mg/L	Không phát hiện, MDL = 0,005 (Giới hạn: 3)	EPA Method 200.7 (*)
111	Coliforms	/100mL	0 (QCVN 01:2009/BYT: 0/100mL)	ISO 9308- 1:2014/Amd.1:2016 (*)
112	Escherichia coli	/100mL	0 (QCVN 01:2009/BYT: 0/100mL)	ISO 9308- 1:2014/Amd.1:2016 (*)

(*) Phương pháp được VILAS công nhận/ Method is accredited by VILAS.

(**) Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/ Subcontracted test.

#) Kết quả do CASE TPHCM thực hiện/ Analysed by CASE HCMC.

MDL Ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Method Detection Limit.

MQL Ngưỡng định lượng của phương pháp/ Method Quantification Limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm/
Officer in charge of laboratory


Trần Văn Trương

KT.GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
PHÓ GIÁM ĐỐC/ VICE DIRECTOR


Bùi Xuân Quý

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TPHCM

This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

1/Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng/ Information of sample is written as customer's request.

2/Không được sao chép kết quả này, 1 phần hay toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc Trung Tâm Dịch Vụ Phân Tích Thí Nghiệm TP HCM
This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of CASE.

3/Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ This testing result is only valid on tested sample.

TRỤ SỞ CHÍNH

📍 02 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q. 1, TP. HCM

☎ **18001105**

☎ (84.28) 3911 7216

✉ casehcm@case.vn

CN CẦN THƠ

📍 F2.67-F2.68, Đường số 6, KDC 586, P. Phú Thứ, Cái Răng, Cần Thơ

☎ (84.292) 3918216 - 217 - 218

☎ (84.292) 3918219

✉ support@case.com.vn

VP ĐẠI DIỆN MIỀN TRUNG

📍 STH2718, Đường 8E, KĐT Lê Hồng Phong II, P. Phước Hải, Nha Trang, Khánh Hòa

☎ (84.258) 246 5255

☎ (84.258) 246 5355

✉ vanphongmien trung@case.vn